

Số: /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DƯ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động thống kê và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành chính phục vụ hoạt động thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Luật Thống kê ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016-NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi bởi Nghị định số 13/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Thống kê tỉnh tại Tờ trình số /TTr-TKT ngày /9/2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động thống kê và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành chính phục vụ hoạt động thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong hoạt động thống kê và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành chính phục vụ hoạt động thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Thông kê tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
phối hợp trong hoạt động thống kê và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành
chính phục vụ hoạt động thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường trong công tác thống kê và cung cấp, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Quy chế này không thay thế, không làm thay đổi chế độ báo cáo thống kê, hệ thống chỉ tiêu, phương án điều tra, biểu mẫu, thời hạn và phương thức cung cấp thông tin đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thống kê tỉnh và các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh.
2. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các sở, ban, ngành tỉnh).
3. UBND xã, phường (gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh.
4. Các tổ chức, đơn vị khác có liên quan trong trường hợp phối hợp cung cấp thông tin phục vụ hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin thống kê* là dữ liệu thống kê được xử lý, tổng hợp và phân tích theo phương pháp, quy trình, chuyên môn, nghiệp vụ thống kê để phản ánh đặc trưng, thuộc tính của hiện tượng nghiên cứu. Thông tin thống kê gồm số liệu thống kê và bản phân tích số liệu đó.

2. *Dữ liệu thống kê* gồm dữ liệu định lượng và dữ liệu định tính để hình thành thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu.

3. *Dữ liệu hành chính* là dữ liệu của cơ quan nhà nước được ghi chép, lưu

giữ, cập nhật trong các hồ sơ hành chính dạng giấy hoặc dạng điện tử.

4. *Điều tra thống kê* là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi cuộc điều tra.

5. *Chế độ báo cáo thống kê* là những quy định và hướng dẫn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện một tập hợp những báo cáo thống kê có liên quan với nhau để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc một hệ thống chỉ tiêu thống kê và tổng hợp thông tin thống kê khác phục vụ quản lý nhà nước.

6. *Hoạt động thống kê* là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập, chuẩn bị thu thập, thu thập, xử lý và tổng hợp, phân tích và dự báo, công bố phổ biến, lưu trữ, đánh giá chất lượng thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

7. *Cơ sở dữ liệu thống kê* là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để khai thác, quản lý và cập nhật phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.

8. *Hoạt động thống kê nhà nước* là hoạt động thống kê trong chương trình thống kê do hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện hoặc ủy thác cho tổ chức khác thực hiện.

Điều 4. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác và thống nhất, đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan quản lý Nhà nước; phục vụ công tác theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và các xã, phường.

2. Thiết lập hệ thống thông tin thống kê đồng bộ, liên thông, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác thống kê trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

3. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh và cấp xã.

4. Khai thác, sử dụng kịp thời, hiệu quả dữ liệu hành chính và các nguồn thông tin sẵn có từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã, giảm thiểu trùng lặp trong thu thập thông tin, giảm chi phí và gánh nặng báo cáo cho cơ sở.

5. Phục vụ hiệu quả việc xây dựng, giám sát, đánh giá và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về thống kê và các quy định pháp luật có liên quan; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị.

2. Công tác phối hợp và cung cấp, chia sẻ thông tin phải chủ động, kịp thời, hiệu quả trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã.

3. Việc phối hợp không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị.

4. Thông tin, dữ liệu được cung cấp, chia sẻ và khai thác đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền; bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật thông tin thống kê, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn và an ninh thông tin.

5. Khuyến khích khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu đã được các cơ quan nhà nước thu thập, quản lý để phục vụ hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan cung cấp thông tin phối hợp bảo đảm chất lượng thông tin thuộc phạm vi quản lý; cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, xử lý và sử dụng thông tin theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật.

Điều 6. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp định kỳ được thực hiện theo định kỳ hằng tháng, quý và năm, phù hợp với kỳ báo cáo của từng loại chỉ tiêu thống kê và từng phương án điều tra thống kê.

2. Phối hợp theo yêu cầu đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu của Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh hoặc khi phát sinh nhu cầu thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống. Thời hạn cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất được xác định cụ thể theo yêu cầu của cơ quan đề nghị hoặc văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh hoặc cơ quan cấp trên.

3. Phối hợp theo nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin thống kê phục vụ quản lý, nghiên cứu, xây dựng chính sách. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức gửi văn bản đề nghị đến cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu để đề nghị cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu.

Điều 7. Những thông tin thống kê nghiêm cấm cung cấp, chia sẻ

1. Thông tin thống kê thuộc bí mật Nhà nước.

2. Thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của tổ chức, cá nhân chưa được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho cung cấp.

3. Thông tin thống kê không bảo đảm chất lượng và những thông tin thống kê đã bị làm sai lệch.

4. Thông tin thống kê cung cấp, chia sẻ phục vụ lợi ích riêng của tổ chức, cá nhân gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

5. Thông tin thống kê được cung cấp, chia sẻ theo thoả thuận không tiếp tục cung cấp, chia sẻ cho bên thứ ba.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 8. Phối hợp trong tổ chức thực hiện công tác thống kê

1. Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tham mưu tổ chức thực hiện công tác thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã phối hợp thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn được giao; thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị phối hợp trao đổi, thống nhất về đầu mối, phương thức và thời gian thực hiện các nhiệm vụ phối hợp nhằm bảo đảm thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp đầy đủ, kịp thời và hạn chế trùng lặp trong thu thập thông tin.

Điều 9. Phối hợp cung cấp thông tin thống kê

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã phối hợp cung cấp cho Thống kê tỉnh hoặc cơ quan thống kê cơ sở các thông tin thuộc phạm vi quản lý theo chế độ báo cáo thống kê, phương án điều tra hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Thông tin phối hợp cung cấp được thực hiện theo đúng nội dung, phạm vi, biểu mẫu và thời hạn của chế độ báo cáo, phương án điều tra hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khi thông tin có nội dung chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc có biến động bất thường, cơ quan cung cấp phối hợp với cơ quan Thống kê để rà soát, giải thích, bổ sung và hoàn thiện thông tin.

Điều 10. Phối hợp cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã quản lý cơ sở dữ liệu hành chính, dữ liệu thống kê phối hợp với Thống kê tỉnh trong việc khai thác, sử dụng và cung cấp dữ liệu phục vụ hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung phối hợp về dữ liệu có thể bao gồm:

- a) Danh mục dữ liệu;
- b) Trường dữ liệu và nội dung dữ liệu;
- c) Định dạng, cấu trúc và thuộc tính dữ liệu;
- d) Phương thức và tần suất cung cấp;

đ) Thời gian cung cấp;

e) Phạm vi, mục đích khai thác và sử dụng;

g) Yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin và trách nhiệm của các bên.

3. Việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu hành chính hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thống kê

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã chủ trì, hoặc phối hợp thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thống kê tỉnh chủ trì, hoặc phối hợp hướng dẫn, phổ biến chế độ báo cáo thống kê; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; rà soát tính đầy đủ, hợp lý và thống nhất của số liệu; tổng hợp, phân tích và sử dụng thông tin theo quy định.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo phối hợp bố trí đầu mối thực hiện và chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý được cung cấp theo quy định.

Điều 12. Phối hợp thực hiện điều tra, tổng điều tra thống kê

1. Thống kê tỉnh chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã chủ trì hoặc phối hợp:

a) Tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra;

b) Cung cấp thông tin, danh sách, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của phương án điều tra và quy định pháp luật;

c) Phối hợp xác định, rà soát đơn vị điều tra;

d) Phối hợp đôn đốc, kiểm tra, xác minh thông tin;

đ) Phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Điều 13. Phối hợp thu thập thông tin từ các ngành không điều tra trực tiếp

1. Đối với các chỉ tiêu không thực hiện thu thập trực tiếp bằng điều tra thống kê, Thống kê tỉnh chủ trì hoặc phối hợp với sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã khai thác nguồn số liệu hành chính và các nguồn thông tin hợp pháp.

2. Cơ quan quản lý ngành có trách nhiệm phối hợp rà soát, xác nhận thông tin thuộc lĩnh vực quản lý.

3. UBND cấp xã phối hợp cung cấp, rà soát thông tin thuộc phạm vi địa bàn theo biểu mẫu hoặc yêu cầu hợp pháp của cơ quan thống kê.

Điều 14. Phối hợp rà soát, đối chiếu và xác minh thông tin

1. Trường hợp thông tin giữa các nguồn có sự khác biệt, chưa thống nhất hoặc có biến động bất thường, Thống kê tỉnh phối hợp với cơ quan cung cấp thông tin rà soát, đối chiếu và xác minh.

2. Cơ quan cung cấp thông tin phối hợp giải thích nguồn số liệu, phương pháp tổng hợp và nguyên nhân biến động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc điều chỉnh, xử lý số liệu thống kê thực hiện theo phương pháp thống kê, quy trình nghiệp vụ và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Phối hợp phân tích, đánh giá thông tin thống kê

1. Thống kê tỉnh chủ trì tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin thống kê phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp cung cấp thông tin chuyên ngành, trao đổi, giải thích những yếu tố tác động đến biến động của các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

3. Việc công bố, phổ biến và sử dụng thông tin thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 16. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh

1. Là đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện công tác thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và phối hợp kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Quy chế.

3. Chủ trì trao đổi với các cơ quan, đơn vị về nội dung, phương thức và thời gian phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động thống kê.

4. Chủ trì tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin thống kê phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan thống kê cơ sở

1. Là đầu mối phối hợp với UBND cấp xã các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong thực hiện công tác thống kê theo phân công.

3. Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

4. Rà soát, tổng hợp thông tin trước khi báo cáo Thống kê tỉnh theo quy định.

5. Phối hợp xác minh những thông tin chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc

có biến động bất thường.

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thống kê trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao.
2. Phân công lãnh đạo phụ trách và đầu mối phối hợp công tác thống kê.
3. Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo chế độ báo cáo, phương án điều tra hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.
4. Phối hợp rà soát, kiểm tra, giải thích, xác minh thông tin khi có yêu cầu.
5. Phối hợp với Thống kê tỉnh trong phân tích, đánh giá các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý tại địa phương.
2. Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định.
3. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã phối hợp cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý.
4. Phối hợp với cơ quan thống kê cơ sở trong thu thập, kiểm tra và xác minh thông tin.
5. Phối hợp thực hiện các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê trên địa bàn theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
6. Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn theo quy định và nhiệm vụ được giao.

Mục 3

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, GIẢI PHÁP VÀ ĐẦU MỐI PHỐI HỢP

Điều 20. Xây dựng cơ chế phối hợp

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bên và tình hình thực tế của các ngành, lĩnh vực, Thống kê tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã xây dựng cơ chế phối hợp và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu bằng văn bản do cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền ký kết, bảo đảm hiệu lực thi hành.

Điều 21. Giải pháp phối hợp

1. Phối hợp xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản tạo khung pháp lý đối với hoạt động phối hợp trong hoạt động thống kê và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành chính phục vụ hoạt động thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Trao đổi, hướng dẫn, đào tạo, cập nhật kiến thức và phương pháp chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến sản xuất, cung cấp, phổ biến thông tin thống kê thuộc phạm vi phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động

thống kê nhà nước giữa Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối chia sẻ thông tin thống kê giữa Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã.

4. Tăng cường nguồn nhân lực làm công tác thống kê và các nguồn lực khác hỗ trợ Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã triển khai hoạt động thống kê nói chung và hoạt động phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu nói riêng.

Điều 22. Đầu mối phối hợp

1. Đầu mối phối hợp của Thống kê tỉnh là Phòng Thống kê Tổng hợp hoặc phòng nghiệp vụ thuộc Thống kê tỉnh có mối quan hệ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên, chặt chẽ với chuyên ngành thuộc chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã.

2. Đầu mối phối hợp của sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã là công chức làm công tác thống kê hoặc đơn vị được Lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã giao nhiệm vụ làm đầu mối phối hợp. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã phân công đầu mối công tác thống kê và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành chính.

3. Thống kê tỉnh tổng hợp danh sách đầu mối phối hợp để thuận tiện trong quá trình trao đổi, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện. Khi có thay đổi đầu mối, cơ quan, đơn vị phối hợp thông báo cho Thống kê tỉnh để cập nhật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Căn cứ Quy chế này và các văn bản có liên quan, Thống kê tỉnh hướng dẫn và phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã xây dựng văn bản cụ thể hoá các nội dung quy định trong Quy chế, ký kết và tổ chức thực hiện.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung thì các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã có ý kiến bằng văn bản gửi về Thống kê tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.